

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày 27-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Chiến.

2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xem - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Trường G, sinh năm: 1990 tại tỉnh Bến Tre. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TV, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm: 1966 (sống) và bà Phan Thị B, sinh năm 1965 (sống); tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 12 ngày 13/02/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- Người đại diện của bị hại Huỳnh Ngọc B:

Bà Võ Thu N, sinh năm: 1964.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp PH, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm: 1966 (Ông T đồng thời là người đại diện của bị cáo Trần Trường G).

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TV, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bà Phan Thị B, sinh năm: 1965.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TV, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1963.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TA, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1974.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp AV 1, xã ĐP, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Hoàng Đức, sinh năm: 1979.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp AV 2, xã ĐP, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người phiên dịch:* Ông Nguyễn Trọng D - Giáo viên của T nuôi dạy trẻ em khuyết tật tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 14 phút ngày 14/10/2018, Trần Trường G (bị cầm, dắt bẩm sinh) đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71C4-241.45 mặc dù không có giấy phép lái xe theo quy định lưu thông trên Quốc lộ 57 theo hướng thị trấn TT, huyện M đi huyện TP. Khi đến đoạn km 51+700 Quốc lộ 57 thuộc ấp AV 1, xã ĐP, huyện M do thiếu chú ý quan sát nên khi phát hiện ra anh Huỳnh Ngọc B điều khiển xe đạp lưu thông cùng chiều phía trước khoảng 05m, G không xử lý kịp đã đụng vào xe đạp làm cả hai bị ngã xuống mặt đường, anh B bị chấn thương nặng đến ngày 18/10/2018 thì tử vong. Sau khi gây tai nạn G tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71C4-241.45 về nhà của cha mẹ ruột ở ấp TV, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre tháo bỏ gương chiếu hậu bên trái ra. Đến khoảng 09 giờ ngày 15/10/2018, G mang xe đến trả cho ông Nguyễn Văn Đ thì bị phát hiện.

Tang vật tạm giữ trong vụ án: 01 cánh chắn gió bên phải xe mô tô màu đen-trắng, nhãn hiệu Honda, loại Blade; 01 xe đạp màu xanh; 01 mũ B hiểm màu xám - đen - trắng; 01 đôi dép quai ngang màu đen, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 71C4-241.45, số máy: JA36E0411830, số khung: 3647GY004927 của ông Nguyễn Văn Đ, xe không có cánh chắn gió bên phải; 01 tấm bảng đen kích thước 01m x 0,68m, trên bảng có viết chữ bằng phấn trắng; 01 gương chiếu hậu bên trái của xe mô tô hai bánh, mặt ngoài ốp gương chiếu hậu có vết mài mòn nhựa; 01 áo thun nam, tay ngắn, màu xanh đen và 01 quần Jean nam, màu xanh, loại quần lửng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và dựng lại hiện trường thể hiện: Hiện trường là đoạn đường thẳng trên Quốc lộ 57; mặt đường rộng 7,20m được trải bê tông nhựa, có vạch phân tuyến (tim đường) sơn màu trắng đứt

quãng chia đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt. Hướng khám nghiệm từ thị trấn TT, huyện M đi huyện TP, chọn vạch kẻ tim đường làm chuẩn, tất cả các vị trí phương tiện, dấu vết đều đo vào vạch kẻ tim đường, ghi nhận như sau:

- Xe mô tô biển kiểm soát 71C4-241.45 ngã trái nằm ở phần đường bên phải đầu xe quay về hướng huyện TP đuôi xe quay về hướng thị trấn TT có tâm bánh sau cách tim đường 2,35m và tâm bánh trước cách tim đường 1,65m đồng thời để lại tại hiện trường 04 vết cày, tất cả nằm trên lề đường bên phải, trong đó: vết cày 1 (ký hiệu 1) có dạng đường cong đứt quãng dài 5,85m có điểm đầu cách tim đường 2,27m và điểm cuối cách tim đường 1,48m; vết cày 2 (ký hiệu 2) có dạng đường thẳng đứt quãng dài 0,52m có điểm đầu cách tim đường 1,73m và điểm cuối cách tim đường 1,75m; vết cày 3 (ký hiệu 3) có dạng đường cong đứt quãng dài 3,86m có điểm đầu cách tim đường 1,58m và điểm cuối cách tim đường 1,40m; vết cày 4 (ký hiệu 6) có dạng đường cong đứt quãng dài 0,20m có điểm đầu cách tim đường 1,47m và điểm cuối cách tim đường 1,49m.

- Xe đạp (ký hiệu 11) ngã phải nằm trong lề bên phải đầu xe quay về hướng huyện TP đuôi xe quay về hướng thị trấn TT có tâm sau cách tim đường 4m và tâm bánh trước cách tim đường 4,65m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 71C4-241.45 ghi nhận: Gương chiếu hậu bên trái bị gãy mất; ốp nhựa đầu xe bên trái bị mài mòn; đầu tay cầm bên trái bị mài mòn; chấn gió bên phải bị rời khỏi xe, ... Đầu gác chân trước bên phải bị đẩy cong từ trước về sau, mặt ngoài kim loại, cao su bị mài mòn; mặt ngoài bên phải lốp xe trước có vết trượt từ ngoài vào trong dài 50cm, rộng 4cm.

Kết quả khám nghiệm xe đạp ghi nhận: Chấn bunn sau bị móp thụng, biến dạng theo hướng từ sau về trước... mặt lắn bánh xe sau có vết mài mòn; phần nhựa đầu tay cầm bên phải bị mài mòn.

Tại Bản kết luận giám định số 1593/C09B ngày 28/3/2019 của Phân viện Khoa học Hình sự tại T phố Hồ Chí Minh xác định: Cánh yếm (cánh chấn gió) gửi giám định trùng khớp với xe mô tô biển kiểm soát 71C4-241.45; phía trước xe mô tô biển kiểm soát 71C4-241.45 và phía sau bên phải xe đạp màu xanh là vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện. Vị trí va chạm đầu tiên (vùng đụng) chiếu xuống mặt đường giữa hai phương tiện nằm trước đầu vết cày ký hiệu 1 và thuộc phần đường bên phải Quốc lộ 57 hướng từ thị trấn TT, huyện M đến huyện TP.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 192/TT ngày 19/11/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Huỳnh Ngọc B chết do chấn thương sọ não gây xuất huyết, tụ máu nội sọ và hoại tử nhu mô não.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 15 tháng 7 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M để xét xử đối với bị cáo Trần Trường G về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng, người đại diện của bị hại bà Võ Thu N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Phan Thị B và ông Nguyễn Văn Đ, người làm chứng ông Nguyễn Hoàng Đ giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra; người làm chứng ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên B lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Trường G phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Trường G từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 589, 591 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Ghi nhận bị cáo G đã thỏa thuận bồi thường chi phí cứu chữa đối với bị hại B số tiền 53.500.000 đồng. Bà N không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; ông T, bà B không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã hỗ trợ cho bị cáo bồi thường cho bị hại; ông Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa xe mô tô biển kiểm soát 71C4-241.45 nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M đã trả cho ông Nguyễn Văn Đ 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu trắng - đen, biển kiểm soát 71C4-241.45; 01 cánh chắn gió bên phải xe mô tô màu đen-trắng, nhãn hiệu Honda, loại Blade; 01 mũ B hiểm màu xám - đen - trắng, đã qua sử dụng; 01 gương chiếu hậu bên trái của xe mô tô hai bánh. Trả lại cho Trần Trường G 01 áo thun nam, tay ngắn, màu xanh đen, phần vạt áo có hoa văn màu trắng, mặt trong dưới cổ áo có chữ “KiriMaru”; 01 quần Jean nam, màu xanh. Trả lại cho bà Võ Thu N là người đại diện của bị hại 01 (một) xe đạp màu xanh; 01 đôi dép quai ngang màu đen.

Đối với 01 tấm bảng đen có kích thước 01m x 0,68m, trên bảng có viết chữ bằng phấn trắng thuộc sở hữu của ông Đ, ông Đ không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Trường G là ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Trường G mà Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên không có ý kiến tranh luận về điều khoản áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự, xét thấy các bên đã tự thỏa thuận và bị cáo đã bồi thường xong nên không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người đại diện của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trường theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoảng 18 giờ 14 phút ngày 14/10/2018, tại km 51+700 Quốc lộ 57 thuộc ấp AV 1, xã ĐP, huyện M, Trần Trường G không có giấy phép lái xe theo quy định đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71C4-241.45 lưu thông trên Quốc lộ 57 theo hướng thị trấn TT, huyện M đi huyện TP thiếu chú ý quan sát đã đụng từ phía sau tới vào xe đạp do anh Huỳnh Ngọc B điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước gây tai nạn (Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 2 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008). Hậu quả tai nạn làm anh Huỳnh Ngọc B tử vong, lỗi hoàn toàn của bị cáo.

Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm đến sự an toàn của hoạt động giao thông đường bộ và sự an toàn về sức khỏe, tính mạng của người khác. Do đó, hành vi của bị cáo G đã phạm vào “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Xe mô tô biển kiểm soát 71C4-241.45 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ nhưng bị cáo tự ý lấy xe sử dụng khi chưa có sự đồng ý của ông Đ và gây tai

nạn. Do đó, ông Đ không phải trách nhiệm hình sự theo Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Mặc dù tai nạn là không mong muốn, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý. Tuy nhiên, tai nạn đã gây ra hậu quả nghiêm trọng làm mất đi một người thân, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại. Hiện nay, tình hình an ninh trật tự liên quan đến loại tội phạm này xảy ra trên địa bàn huyện ngày càng gia tăng và phức tạp, trong khi đó người tham gia giao thông chủ quan khi điều khiển phương tiện, bất chấp luật giao thông nên cần đưa vụ án ra xét xử nghiêm để phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Mặc dù, sau tai nạn bị cáo có hành vi điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Nhưng xét thấy, bị cáo là người cầm lái, có nhược điểm về thể chất, trình độ văn hóa thấp, nhận thức xã hội kém và không am hiểu pháp luật nên không áp dụng tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại. Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã T khần khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo là người bị khuyết tật nặng, có ông nội và ông ngoại là người có công với cách mạng, cha bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và vợ bị cáo cũng là người cầm lái bẩm sinh. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo với xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp với gia đình giáo dục cũng đủ.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo Trần Trường G đã thỏa thuận bồi thường xong chi phí theo yêu cầu của gia đình bị hại với số tiền 53.500.000 đồng. Người đại diện của bị hại là bà N không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; ông Trần Văn T, bà Phan Thị B không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã hỗ trợ cho bị cáo bồi thường cho bị hại; ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa xe mô tô biển kiểm soát 71C4-241.45. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, phù hợp với Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), các điều 589, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M đã trả cho ông Nguyễn Văn Đ: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu trắng - đen, biển kiểm soát 71C4-241.45; 01 cánh chắn gió bên phải xe mô tô màu đen-trắng, nhãn hiệu Honda, loại Blade; 01 mũ B hiểm màu xám - đen - trắng, đã qua sử dụng; 01 gương chiếu hậu bên trái của xe mô tô hai bánh. Trả lại cho bị cáo Trần Trường G: 01 áo thun nam, tay ngắn, màu xanh đen, phần vạt áo có hoa văn màu trắng, mặt trong dưới cổ áo có chữ “KiriMaru”; 01 quần Jean nam, màu xanh. Trả lại cho bà Võ Thu N là người đại diện của bị hại: 01 (một) xe đạp màu xanh, 01 đôi dép quai ngang màu đen. Xét thấy việc trao trả vật chứng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra là đúng theo Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên ghi nhận.

Đối với 01 tấm bảng đen có kích thước 01m x 0,68m, trên bảng có viết chữ bằng phấn trắng thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ, do ông Đ không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí:

Bị cáo Trần Trường G thuộc T hợp người khuyết tật nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Trường G phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Trường G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 27/8/2019.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện trường hợp quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. T hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tấm bảng đen có kích thước 01m x 0,68m trên bảng có viết chữ bằng phấn trắng.

Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Về nghĩa vụ chịu tiền án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Trường G được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã DT;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân